TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/4/2023.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Triệu Vĩnh Thái.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Đàm Sông Hương.
- Bà Vi Thị Loan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/12/2022 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị La Thị T, Sinh năm 1989.
Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh L - Có đơn đề nghị vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lương Văn K, sinh năm 1988.
Nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh L - Vắng mặt không có lý do.

Người làm chứng: 1/ Bà Vương Thị S, sinh năm 1956 - Vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh L.

2/ Ông La Văn T, trưởng thôn B - Vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị La Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lương Văn K tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 18/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau cho đến khoảng tháng 10/2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình. Mặt khác

chị bắt đầu phát hiện anh K hay tụ tập với bạn bè xấu và sử dụng ma túy nên sức khỏe yếu không làm được việc gì để phát triển kinh tế gia đình. Khi chị khuyên dăn thì anh chửi bới đánh đập chị rất dã man. Chị đã nhờ hai bên gia đình khuyên bảo đưa anh K đi cai nghiện ma túy nhưng anh K không chịu đi cai nghiện. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào ngày 05/01/2019 cũng vì lý do trên anh K đánh đập chị, không chịu được với các hành vi bạo lực của anh K, ngày 06/01/2019 chị cùng con bỏ về nhà bố, mẹ đẻ của Chị ở thôn B, xã T, huyện V sinh sống và sống ly thân với anh K từ đó cho đến nay. Chị và anh K không còn quan tâm đến nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế. Nay Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị đề nghị được ly hôn với anh Lương Văn K để yên tâm làm ăn nuôi dậy con cái.

Về con chung: Chị và Anh Lương Văn K có 01 con chung cháu tên là Lương Đức N, sinh ngày 07/5/2012, hiện nay đang ở với chị, khi ly hôn chị đề nghị tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Lương Văn K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng chưa có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Lương Văn K:

Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án số 126/TB-TLVA ngày 26/12/2022 cho bị đơn anh Lương Văn K, hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Thông báo thụ lý nhưng anh K không nộp cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố. Sau đó Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng anh Lương Văn K, không chấp hành. Do vậy, hồ sơ vụ án không có ý kiến của anh Lương Văn K.

Ủy ban nhân dân xã Q, trưởng thôn B, xã T, người làm chứng xác định: Về quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn vợ chồng như lời trình bày của chị La Thị T là đúng.

Ngày 03/3/2023, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với nguyên đơn chị La Thị T có mặt, anh Lương Văn K vắng mặt không có lý do. Chị La Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên Tòa:

- Nguyên đơn chị La Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn Anh Lương Văn K vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã

thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo pháp luật tố tụng Dân sự.

* Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các Điều 228, 229, 238 và Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị La Thị T được ly hôn với anh Lương Văn K.

- Về quan hệ con chung: Giao cháu Lương Đức N, sinh ngày 07/5/2012 cho chị La Thị T trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Lương Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Chị La Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị La Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh Lương Văn K, sinh năm 1988, nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Lương Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; người làm chứng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị La Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của nguyên đơn chị La Thị T, người làm chứng, kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q có đủ căn cứ xác định: Chị La Thị T và anh Lương Văn K tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh L, hôn nhân là hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là khi tiến tới kết hôn vợ chồng có cách sống không hợp nhau, anh K không chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình mà còn sử dụng ma túy dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn, không khí gia đình luôn căng thẳng, ngột ngạt và anh K còn có hành vi bạo lực đối với chị T. Từ ngày 06/01/2019 Chị đã bỏ về bố mẹ đẻ ở xã T, huyện V sinh sống. Chị và anh K ly thân từ đó cho đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa.

Đối với anh Lương Văn K: Quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn chị La Thị T, lời khai của người làm chứng; xác minh tại chính quyền địa phương để giải quyết vụ án.

Từ những phân tích trên có đủ căn cứ xác định vợ chồng chị T, anh K không có tiếng nói chung trong hôn nhân, thời gian sống ly thân đã lâu, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị La Thị T về việc ly hôn Anh Lương Văn K.

[3] Về con: Chị La Thị T và anh Lương Văn K có 01 con chung cháu Lương Đức N, sinh ngày 07/5/2012, từ khi mâu thuẫn trầm trọng chị T cùng cháu N bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị, anh K không có trách nhiệm với con. Cháu N có nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn được ở với mẹ. Xét thấy, chị T là lao động tự do tại thôn B, xã T, huyện V, công việc chủ yếu là trồng trọt, chăn nuôi và đi làm thuê thu nhập hàng tháng khoảng 4.500.000đ. Anh K cũng là lao động tự do thu nhập hàng tháng khoảng 3.500.000đ nhưng là người có sử dụng ma túy. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần tiếp tục giao cháu Lương Đức N cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp và anh K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị La Thị T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị La Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị T được ly hôn với Anh Lương Văn K.

- Về con: Chị La Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lương Đức N, sinh ngày 07/5/2012 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Lương Văn K không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí: Chị La Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai ký hiệu AC-21P số 0004379 ngày 26/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị La Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lương Văn K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Sở tư pháp;
- UBND xã Q;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP, KT, TP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Vĩnh Thái